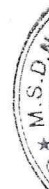


CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 - DN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 - DN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 - DN)	10

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM**

**THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp**

Số 0105926285

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 26 tháng 06 năm 2012. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được thay đổi lần 3 vào ngày 12 tháng 02 năm 2015.

*Tại ngày ký báo cáo tài chính này*

**Đại diện Đài Truyền hình Việt Nam,  
Chủ sở hữu VTVcab**

Ông Phạm Thái Hùng

Chủ tịch

**Ban Lãnh đạo**

Ông Phạm Thái Hùng  
Ông Hoàng Ngọc Huân  
Ông Nguyễn Tuấn Anh  
Ông Tạ Sơn Đông  
Ông Bùi Huy Năm  
Ông Nguyễn Văn Ninh  
Bà Trần Ngọc Huyền

Chủ tịch  
Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Kế toán Trưởng

**Ban Pháp Chế và Kiểm soát nội bộ**

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền  
Ông Đinh Trung Dũng

Trưởng ban  
Phó trưởng ban

**Người đại diện theo pháp luật**

Ông Hoàng Ngọc Huân

Tổng Giám đốc

**Trụ sở chính**

Số 844 đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO TỔNG CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Lãnh đạo của Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty truyền hình cáp Việt Nam ("Tổng Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Lãnh đạo của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Lãnh đạo của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 40. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Hoàng Ngọc Huấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 20 tháng 7 năm 2015

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
**GỬI ĐẠI DIỆN ĐẠI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM, CHỦ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY TNHH MỘT**  
**THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty truyền hình cáp Việt Nam (“Tổng Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2014 và được Ban Lãnh đạo phê duyệt ngày 20 tháng 7 năm 2015. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 40.

**Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo**

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty truyền hình cáp Việt Nam tại 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính cho thấy tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng nợ ngắn hạn (sau khi đã trừ doanh thu chưa thực hiện) vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Tổng Công ty là 240.541.510.054 Đồng Việt Nam (31.12.2013: 16.475.971.882 Đồng Việt Nam), trong đó có 131.460.435.282 Đồng Việt Nam là các khoản phải trả các công ty liên quan (thuyết minh 37 (b)). Theo đánh giá của Ban Lãnh đạo, Tổng công ty chưa cần vay thêm ngân hàng tại thời điểm đó. Tuy nhiên, vào ngày 22 tháng 6 năm 2015, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay với ngân hàng, cũng như tiến hành đàm phán với các nhà cung cấp và công ty mẹ về việc dẫn và cần trừ nợ phải trả khi đến hạn.

## Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã phát hành báo cáo kiểm toán có ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 15 tháng 4 năm 2014.

## Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Nguyễn Phi Lân  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0573-2013-006-1  
Chữ ký được ủy quyền



Trần Khắc Thế  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2043-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 1361  
Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2015

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2014 VNĐ	2013 VNĐ
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>615.708.069.115</b>	<b>726.011.518.844</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	89.913.221.087	62.597.200.690
111	Tiền		89.913.221.087	62.597.200.690
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		85.888.295.107	76.985.587.000
121	Đầu tư ngắn hạn	4	85.888.295.107	76.985.587.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		134.819.169.744	294.293.399.899
131	Phải thu khách hàng	5	139.701.918.739	154.665.852.282
132	Trả trước cho người bán	6	10.467.036.410	94.744.087.450
133	Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	5.900.000.000
135	Các khoản phải thu khác	7	24.563.546.429	64.378.937.273
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(39.913.331.834)	(25.395.477.106)
140	Hàng tồn kho	8	241.942.104.436	230.544.557.409
141	Hàng tồn kho		242.098.311.231	230.544.557.409
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(156.206.795)	-
150	Tài sản ngắn hạn khác		63.145.278.741	61.590.773.846
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9	33.464.186.845	43.683.589.257
152	Thuế GTGT được khấu trừ		20.418.431.688	1.037.380.266
154	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	10	2.596.930.388	2.178.201.325
158	Tài sản ngắn hạn khác	11	6.665.729.820	14.691.602.998

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính n

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2014 VNĐ	2013 VNĐ
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.076.992.021.078	824.644.526.062
210	Các khoản phải thu dài hạn		28.597.921.280	39.258.684.564
218	Phải thu dài hạn khác	12	28.597.921.280	39.258.684.564
220	Tài sản cố định		546.561.485.011	415.439.835.348
221	Tài sản cố định hữu hình	13(a)	384.860.606.403	300.520.874.797
222	Nguyên giá		959.963.882.248	722.708.743.104
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(575.103.275.845)	(422.187.868.307)
227	Tài sản cố định vô hình	13(b)	15.100.557.198	12.628.184.912
228	Nguyên giá		23.663.400.479	16.841.146.098
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.562.843.281)	(4.212.961.186)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13(c)	146.600.321.410	102.290.775.639
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		169.211.918.788	332.232.194.591
251	Đầu tư vào công ty con	14	161.003.588.788	332.232.194.591
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	15	8.208.330.000	-
260	Tài sản dài hạn khác		332.620.695.999	37.713.811.559
261	Chi phí trả trước dài hạn	16	328.192.644.965	34.636.033.334
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17	3.665.843.158	2.367.570.349
268	Tài sản dài hạn khác		762.207.876	710.207.876
270	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>1.692.700.090.193</b>	<b>1.550.656.044.906</b>

ay.

từ trang 10 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2014	2013
			VNĐ	VNĐ
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.243.785.293.773</b>	<b>1.101.816.798.486</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.044.611.559.759</b>	<b>911.599.658.513</b>
311	Vay và nợ ngắn hạn	18(a)	150.684.128.701	45.449.074.958
312	Phải trả người bán	19(a)	385.004.324.917	301.254.555.888
313	Người mua trả tiền trước		1.760.387.186	4.783.532.610
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	12.880.695.136	6.135.645.349
315	Phải trả người lao động		47.558.871.358	53.555.141.977
316	Chi phí phải trả	21	84.099.891.705	70.835.240.932
318	Doanh thu chưa thực hiện	22	188.361.980.590	169.112.167.787
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	23	119.760.982.196	221.097.595.446
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	24	54.500.297.970	39.376.703.566
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>199.173.734.014</b>	<b>190.217.139.973</b>
331	Phải trả người bán dài hạn	19(b)	54.902.441.740	-
333	Phải trả dài hạn khác	25	14.211.352.180	95.324.760.383
334	Vay và nợ dài hạn	18(b)	128.449.448.469	94.892.379.590
336	Dự phòng trợ cấp thôi việc		1.610.491.625	-
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>448.914.796.420</b>	<b>448.839.246.420</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>448.914.796.420</b>	<b>448.839.246.420</b>
411	Vốn điều lệ	26, 27	440.000.000.000	440.000.000.000
417	Quỹ đầu tư phát triển	27	8.914.796.420	8.839.246.420
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27	-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.692.700.090.193</b>	<b>1.550.656.044.906</b>

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 7.693 Đô la Mỹ và 91 Euro (năm 2013: 4.595 Đô la Mỹ và 91 Euro).



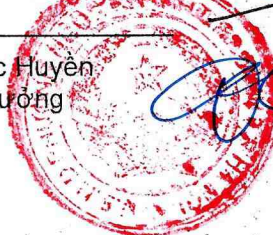
Nguyễn Hoàng Giang  
Người lập

Trần Ngọc Huyền  
Kế toán trưởng

Hoàng Ngọc Huân  
Tổng Giám đốc  
Ngày 20 tháng 7 năm 2015

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực.....

Ngày 21-04-2017



PHÓ CHỦ TỊCH  
Lai Thùy Quỳnh

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 02 - DN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2014 VNĐ	31.12.2013 VNĐ
01	Doanh thu	1.755.981.101.815	1.165.308.009.835
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(6.194.652.086)	(11.663.651.181)
10	Doanh thu thuần	1.749.786.449.729	1.153.644.358.654
11	Giá vốn hàng bán	(1.181.602.854.540)	(876.281.103.031)
20	Lợi nhuận gộp	568.183.595.189	277.363.255.623
21	Doanh thu hoạt động tài chính	10.004.453.731	4.812.542.402
22	Chi phí tài chính	(23.423.825.404)	(3.678.652.092)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	(22.351.927.634)	(3.525.033.436)
24	Chi phí bán hàng	(264.692.456.493)	(105.532.733.085)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(214.836.750.305)	(109.148.533.931)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	75.235.016.718	63.815.878.917
31	Thu nhập khác	13.946.188.317	5.922.383.467
32	Chi phí khác	(4.514.401.007)	(184.623.341)
40	Lợi nhuận khác	9.431.787.310	5.737.760.126
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	84.666.804.028	69.553.639.043
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(24.948.169.024)	(16.915.134.638)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.298.272.809	2.367.570.349
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	61.016.907.813	55.006.074.754

Nguyễn Hoàng Giang  
Người lập

Trần Ngọc Huyền  
Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Huân  
Tổng Giám đốc  
Ngày 20 tháng 7 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

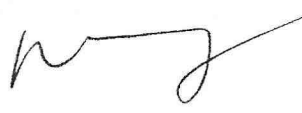
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM


Mẫu số B 03 - DN

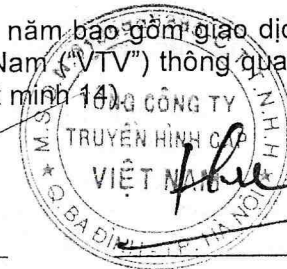
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2014 VNĐ	31.12.2013 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lãi kế toán thuần trước thuế	84.666.804.028	69.553.639.043
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao	219.107.222.808	138.782.967.140
03	Các khoản dự phòng	14.674.061.523	3.501.708.697
04	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(12.597.515)	(991.539)
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	(51.178.387.011)	(59.536.047.591)
06	Chi phí lãi vay	22.351.927.634	3.525.033.436
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	<b>289.609.031.467</b>	<b>155.826.309.186</b>
09	Giảm các khoản phải thu	97.889.042.806	294.947.879.238
10	Tăng hàng tồn kho	(11.553.753.822)	(174.519.828.814)
11	Tăng các khoản phải trả	248.073.203.874	183.507.126.780
12	Tăng các chi phí trả trước	(283.337.209.219)	(61.963.709.301)
13	Tiền lãi vay đã trả	(21.675.368.137)	(3.525.033.436)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(17.128.599.216)	(17.608.633.718)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	<b>301.876.347.753</b>	<b>376.664.109.935</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm tài sản cố định	(405.461.988.469)	(260.972.707.108)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.649.872.564	-
23	Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(8.902.708.107)	-
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(10.125.918.788)	(406.788.390.275)
27	Thu lãi tiền vay và cổ tức được chia	8.481.613.403	1.342.742.242
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	<b>(413.359.129.397)</b>	<b>(666.418.355.141)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	367.530.084.210	140.341.454.548
34	Chi trả nợ gốc vay và lãi vay	(228.737.961.588)	(2.986.275.203)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	<b>138.792.122.622</b>	<b>137.355.179.345</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	<b>27.309.340.978</b>	<b>(152.399.065.861)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	<b>62.597.200.690</b>
61	Ảnh hưởng của chênh lệch quy đổi tỷ giá		214.995.275.012
		6.679.419	991.539
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<b>89.913.221.087</b>
			<b>62.597.200.690</b>

Các giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong năm báo gồm giao dịch chuyển phần vốn góp của VTVcab trong VSTV về Đài truyền hình Việt Nam ("VTV") thông qua bù trừ công nợ với VTV với giá trị 173.146.194.591 Đồng Việt Nam (Thuyết minh 14).

  
Nguyễn Hoàng Giang  
Người lập

  
Trần Ngọc Huyền  
Kế toán trưởng

  
Hoàng Ngọc Huân  
Tổng Giám đốc  
Ngày 20 tháng 7 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

### 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty truyền hình cáp Việt Nam (“Tổng Công ty” hay “VTVcab”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105926285 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 26 tháng 06 năm 2012. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được thay đổi mới nhất lần ba vào ngày 12 tháng 02 năm 2015.

Tổng Công ty là một công ty TNHH Một thành viên sở hữu toàn bộ bởi Đài truyền hình Việt Nam (“VTV”). Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền;
- Thực hiện hoạt động viễn thông có dây (Điều hành hệ thống phát bằng cáp); Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây;
- Quảng cáo truyền hình (trừ quảng cáo thuốc lá);
- Thực hiện hoạt động sản xuất chương trình truyền hình;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; và
- Cung cấp dịch vụ viễn thông và thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty có hai công ty con và một công ty liên kết là:

Công ty	Ngành nghề chính	% sở hữu
Công ty con (Thuyết minh 14):		
- Công ty CP Công nghệ Việt Thành (VITA)	Dịch vụ truyền hình	51%
- Công ty CP Truyền hình tương tác Việt Nam (VTVlive)	Dịch vụ truyền hình	51%
Công ty liên kết (Thuyết minh 15):		
- Công ty CP VTVcab Nam Định	Dịch vụ truyền hình	39%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty có 37 chi nhánh (2013: 34 chi nhánh) và có 1.778 nhân viên (2013: 1.553 nhân viên).

### 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 2.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính riêng

Các báo cáo tài chính riêng đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**2.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng nợ ngắn hạn (sau khi trừ doanh thu chưa thực hiện) của Tổng Công ty vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 240.541.510.054 Đồng Việt Nam (31.12.2013: 16.475.971.882 Đồng Việt Nam) trong đó có 131.460.435.282 Đồng Việt Nam là các khoản phải trả các công ty liên quan (thuyết minh 37 (b)). Theo đánh giá của Ban Lãnh đạo, Tổng công ty chưa cần vay thêm ngân hàng tại thời điểm đó vì dòng tiền luôn dương và để giảm thiểu chi phí lãi vay của doanh nghiệp. Tính đến thời điểm lập báo cáo, Tổng Công ty vẫn đảm bảo thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Đồng thời, vào ngày 22 tháng 6 năm 2015, Tổng Công ty đã ký được hợp đồng vay với ngân hàng (thuyết minh 18 (b)), cũng như tiến hành đàm phán với các nhà cung cấp và công ty mẹ về việc giãn và cản trừ nợ phải trả khi đến hạn. Do vậy, các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.6 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Lãnh đạo đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**2.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**2.8 Đầu tư**

**(a) Đầu tư ngắn hạn**

Các khoản đầu tư ngắn hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ít hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.

**(b) Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là công ty mà Tổng Công ty có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty đó. Đầu tư vào công ty con được hạch toán trên báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư.

**(c) Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết**

Công ty liên doanh là công ty được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập.

Công ty liên kết là công ty trong đó Tổng Công ty có quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhưng không kiểm soát các chính sách đó và không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh.

Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo giá gốc trên báo cáo tài chính riêng trừ dự phòng giảm giá đầu tư.

**(d) Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của Tổng Công ty với một hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**2.8 Đầu tư (tiếp theo)**

**(d) Hợp đồng hợp tác kinh doanh (tiếp theo)**

*(i) BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát*

Là BCC mà các bên hợp tác kinh doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng BCC. Hoạt động của hợp đồng BCC được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.

Theo đó:

- Trừ khi có thỏa thuận nêu rõ trong hợp đồng BCC, tài sản cố định do các bên góp vốn xây dựng (mạng truyền hình cáp) để tiến hành hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát sẽ được chuyển giao sang cho một bên vận hành và kinh doanh. Bên vận hành và kinh doanh sẽ ghi nhận toàn bộ giá trị tài sản cố định chuyển giao đó là tài sản cố định của mình còn phần vốn góp của đối tác sẽ ghi nhận là khoản phải trả dài hạn khác trên báo cáo tài chính của mình. Bên còn lại sẽ ghi phần góp vốn xây dựng tài sản chuyển giao là khoản phải thu dài hạn khác trên báo cáo tài chính của mình.
- Các bên hợp tác kinh doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng BCC.

*(ii) BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát*

Là BCC trong đó Tổng Công ty và bên đối tác hợp tác kinh doanh đồng kiểm soát tài sản và được nhận doanh thu/lợi nhuận từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận nêu rõ trong hợp đồng BCC. Tài sản đồng kiểm soát bởi các bên tham gia hợp tác kinh doanh là tài sản được các bên tham gia hợp tác kinh doanh mua, xây dựng, được sử dụng cho mục đích của hợp tác kinh doanh và mang lại lợi ích cho các bên tham gia hợp tác kinh doanh theo quy định của hợp đồng BCC. Các bên hợp tác kinh doanh ghi nhận phần giá trị tài sản đồng kiểm soát mà mình được hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng BCC là tài sản trên báo cáo tài chính của mình.

**(e) Đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**2.9 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp nếu ngắn hơn.

Tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20% – 4%
Máy móc thiết bị	33,33% – 14,29%
Phương tiện vận tải	16,67%
Thiết bị quản lý	20%
Phần mềm	20%

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không tính khấu hao.

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.10 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**2.11 Ghi nhận doanh thu**

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán đầu thu kỹ thuật số, thiết bị thu phát sóng và các vật tư thiết bị truyền hình, viễn thông khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng.

(b) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ truyền hình cáp, truyền hình số và các dịch vụ liên quan khác (bản quyền truyền hình, thuê đường dẫn, quảng cáo, internet,...) được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong năm mà Tổng Công ty được quyền nhận quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

**2.12 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**2.13 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.14 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tổng Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc tại Tổng Công ty. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Tổng Công ty. Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tổng Công ty phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Tổng Công ty không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009.

Số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tại Tổng Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.16 Trích lập các quỹ

Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tổng Công ty theo hướng dẫn của Nghị định 71/2013/NĐ-CP do Chính Phủ Việt Nam ban hành ngày 01 tháng 07 năm 2013 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Theo đó việc trích lập các quỹ này được thực hiện theo nguyên tắc như sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Trích 30% lợi nhuận sau thuế sau khi chia lãi cho các thành viên góp vốn hợp tác liên doanh theo quy định của hợp đồng BCC và bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế (nếu có).

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi:

Tùy theo mức xếp hạng của Tổng Công ty trong năm nếu:

- Tổng Công ty xếp loại A được trích tối đa không quá 3 tháng lương thực hiện cho quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- Tổng Công ty xếp loại B được trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện cho quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- Tổng Công ty xếp loại C được trích tối đa không quá 1 tháng lương thực hiện cho quỹ khen thưởng, phúc lợi;

Nếu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi mà không đủ mức theo quy định trên thì được giảm trừ phần trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi nhưng tối đa không vượt quá mức trích vào quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Tiền mặt	1.244.891.137	830.085.569
Tiền gửi ngân hàng	88.668.329.950	61.767.115.121
	<u>89.913.221.087</u>	<u>62.597.200.690</u>

**4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Tiền gửi ngân hàng (i)	8.902.708.107	-
Đầu tư khác:		
- Công ty TNHH Thương mại TC (ii)	76.985.587.000	76.985.587.000
	<u>85.888.295.107</u>	<u>76.985.587.000</u>

(i) Tiền gửi ngân hàng là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng nhưng dưới 12 tháng với lãi suất từ 7,30% tới 9,50%/một năm.

(ii) Công ty TNHH Thương mại TC:

Đầu tư ngắn hạn khác liên quan tới hai hợp đồng là i) Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp; và ii) Hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh cùng ký vào ngày 31/8/2013 giữa VTCab và Công ty TNHH thương mại TC ("TC").

Theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn, VTCab mua lại 70% vốn đầu tư của TC tại 6 công ty con của TC tại Trà Vinh, Đồng Tháp, Bình Thuận, Bến Tre, Sóc Trăng, và Huế, bao gồm 70% vốn đầu tư mạng truyền hình cáp của TC tại các công ty con này. Các công ty con của TC đã thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại địa bàn trong đó VTCab là thành viên có vốn góp 70% vốn điều lệ. Ngày 31/12/2013, VTCab và TC đã ký Biên bản thanh lý Hợp đồng chuyển nhượng vốn này trong đó nêu rõ các bên đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Hợp đồng và không bên nào có bất kỳ khiếu nại gì.

Theo Hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh giữa VTCab và TC, hai bên thống nhất giải thể các công ty con và toàn bộ vốn góp tương ứng với vốn đầu tư tài sản mạng sẽ được chuyển cho VTCab tại địa bàn hợp tác. Hai bên thống nhất phân chia kết quả kinh doanh theo lợi nhuận trước thuế tương ứng với tỷ lệ vốn góp 70:30. Tuy nhiên, việc bàn giao tài sản mạng để hợp tác đầu tư chưa được thực hiện do các công ty con chưa được giải thể xong. Vào ngày 01/10/2013 và 31/10/2013, hai bên ký các biên bản thỏa thuận về việc phối hợp hoàn tất các thủ tục để tiến hành giải thể các công ty con và trong thời gian bắt đầu từ thời điểm chuyển nhượng cho đến khi các công ty con giải thể xong thì TC vẫn nắm giữ quyền kiểm soát tại các công ty con này và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động cũng như các khoản công nợ của các công ty con này cho đến khi các công ty con được chính thức giải thể xong.

Cho đến ngày ký báo cáo tài chính này, việc giải thể các công ty con vẫn chưa được hoàn tất. Theo Ban Lãnh đạo Tổng Công ty, việc giải thể này sẽ được thực hiện xong trong năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

## 5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Bên thứ ba	111.861.080.288	132.398.248.355
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	27.840.838.451	22.267.603.927
	<u>139.701.918.739</u>	<u>154.665.852.282</u>
Dự phòng phải thu khách hàng	(39.913.331.834)	(25.395.477.106)
	<u>99.788.586.905</u>	<u>129.270.375.176</u>

Số dư phải thu khách hàng cuối năm chủ yếu liên quan đến khoản phải thu của các đối tác cho phí thuê đường truyền và phí bản quyền sản xuất chương trình truyền hình.

Dự phòng phải thu khách hàng được trích lập theo hướng dẫn về chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 7 tháng 12 năm 2009 kết hợp với đánh giá của Ban Lãnh đạo Tổng Công ty về khả năng thu hồi các khoản phải thu khách hàng tại thời điểm cuối năm. Biến động của dự phòng phải thu khách hàng trong năm như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Số dư đầu kỳ	25.395.477.106	21.893.768.409
Tăng trong kỳ (Thuyết minh 33)	14.517.854.728	3.501.708.697
	<u>39.913.331.834</u>	<u>25.395.477.106</u>

## 6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Bên thứ ba	<u>10.467.036.410</u>	<u>94.744.087.450</u>

## 7 PHẢI THU KHÁC

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Phải thu từ các bên hợp tác kinh doanh (*)	17.864.377.184	54.759.419.742
Phải thu khác	6.699.169.245	9.619.517.531
	<u>24.563.546.429</u>	<u>64.378.937.273</u>

(\*) Phải thu từ các bên hợp tác kinh doanh là khoản phải thu liên quan tới lợi nhuận được chia từ các hợp đồng BCC giữa Tổng Công ty và các bên đối tác hợp tác kinh doanh trong việc xây dựng, vận hành và kinh doanh các mạng truyền hình cáp để cung cấp dịch vụ truyền hình cáp, truyền hình số và các dịch vụ, hàng hóa liên quan khác.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

8 HÀNG TỒN KHO

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Hàng mua đang đi trên đường	16.781.641.200	-
Nguyên vật liệu tồn kho	128.237.686.630	166.701.410.329
Công cụ, dụng cụ trong kho	8.859.635.108	2.327.032.000
Hàng hóa	88.219.348.293	61.516.115.080
	<u>242.098.311.231</u>	<u>230.544.557.409</u>
Dự phòng chi phí khấu hao hàng tồn kho	(156.206.795)	-
	<u>241.942.104.436</u>	<u>230.544.557.409</u>

Biến động về dự phòng hàng tồn kho trong năm như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Số dư đầu kỳ	-	-
Tăng dự phòng	156.206.795	-
Số dư cuối kỳ	<u>156.206.795</u>	<u>-</u>

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Chi phí bản quyền phát sóng chương trình truyền hình	18.798.210.372	28.659.141.207
Chi phí quảng cáo	6.041.689.424	3.115.798.428
Công cụ dụng cụ	2.611.113.720	5.329.515.368
Thuê văn phòng	4.214.045.176	3.602.756.129
Chi phí khác	1.799.128.153	2.976.378.125
	<u>33.464.186.845</u>	<u>43.683.589.257</u>

10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	2.356.899.172	-
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	4.142.327	2.132.957.206
Các khoản phải thu Nhà nước	235.888.889	45.244.119
	<u>2.596.930.388</u>	<u>2.178.201.325</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**11 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.558.016.500	12.192.642.450
Các tài sản ngắn hạn khác	3.107.713.320	2.498.960.548
	<u>6.665.729.820</u>	<u>14.691.602.998</u>

**12 PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

Phải thu dài hạn khác là các khoản góp vốn của Tổng Công ty chuyển cho các đối tác để thực hiện các hợp đồng hợp tác kinh doanh nhằm xây dựng, vận hành và kinh doanh các mạng truyền hình cáp mà trong đó các mạng truyền hình cáp được chuyển giao cho đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh vận hành và khai thác (Thuyết minh 2.8(d)).

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
<b>Phải thu từ các đơn vị hợp tác kinh doanh:</b>		
• Công ty CP Điện tử Thái Bình (Thái Bình)	2.000.000.000	2.000.000.000
• Công ty TNHH Thương mại viễn thông Nhật Tân (Bà Rịa Vũng Tàu)	278.671.312	278.671.312
• Công ty CP Minh Trí (Quảng Ninh)	2.950.866.511	2.950.866.511
• Công ty CP Truyền hình cáp Nghệ An (Nghệ An)	9.286.774.536	9.286.774.536
• Công ty Đa truyền thông Quốc tế (Hà Tĩnh)	5.105.450.000	5.105.450.000
• Công ty TNHH MTV THC Hải Dương (Hải Dương)	3.976.158.921	3.976.158.921
• Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình (Ninh Bình) (i)	-	2.330.004.249
• Công ty CP Điện tử Tin học Viễn thông Hải Phòng (EG – Hải Phòng) (ii)	5.000.000.000	13.330.759.035
	<u>28.597.921.280</u>	<u>39.258.684.564</u>

(i) Theo Hợp đồng BCC số 26/HĐ/HTKD ký ngày 9 tháng 8 năm 2005 giữa VTVcab và Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình, hai bên cùng nhau góp vốn theo tỷ lệ 50%/50% để thành lập mạng truyền hình cáp Ninh Bình và do Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình quản lý và điều hành. Tuy nhiên, trong năm 2014, mạng truyền hình cáp Ninh Bình được chuyển giao cho VTVcab quản lý và điều hành do Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình chuyển nhượng vốn cho VTVcab và một đối tác khác.

(ii) Theo Hợp đồng BCC số 55a/HĐ/HTKD ký ngày 18 tháng 7 năm 2006 giữa VTVcab và Công ty CP Điện tử tin học viễn thông ("EG"), hai bên cùng nhau góp vốn theo tỷ lệ 50%/50% để thành lập mạng truyền hình cáp An Giang do bên EG quản lý và điều hành. Tuy nhiên, trong năm 2014, mạng truyền hình cáp An Giang được chuyển nhượng cho VTVcab do đối tác chuyển nhượng tài sản cho VTVcab.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**13 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá:</b>					
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 (đã kiểm toán)</b>	<b>9.889.413.353</b>	<b>685.707.346.435</b>	<b>21.575.127.166</b>	<b>5.536.856.150</b>	<b>722.708.743.104</b>
Điều chỉnh số dư đầu kỳ:					
- Giảm do đánh giá lại tài sản hình thành từ các hợp đồng BCC trước 2014 (i)	(1.960.362.598)	(47.906.867.325)	-	(60.495.000)	(49.927.724.923)
- Giảm tài sản từ các hợp đồng BCC (ii)	-	(36.989.492.271)	(11.063.031.143)	-	(48.052.523.414)
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 (điều chỉnh lại)</b>	<b>7.929.050.755</b>	<b>600.810.986.839</b>	<b>10.512.096.023</b>	<b>5.476.361.150</b>	<b>624.728.494.767</b>
Chuyển từ xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 13(c))	-	186.998.017.443	-	-	186.998.017.443
Tài sản mới hình thành từ các hợp đồng BCC trong năm	-	89.181.679.067	-	-	89.181.679.067
Mua mới trong năm	26.074.995.000	33.368.394.088	749.352.728	2.792.827.494	62.985.569.310
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.402.118.863)	-	-	(2.402.118.863)
Giảm khác	(1.418.498.650)	(99.720.826)	-	(9.540.000)	(1.527.759.476)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>32.585.547.105</b>	<b>907.857.237.748</b>	<b>11.261.448.751</b>	<b>8.259.648.644</b>	<b>959.963.882.248</b>

(i) Trong năm 2014, Tổng Công ty thuê các công ty thẩm định giá tại Việt Nam tiến hành đánh giá lại giá trị hợp lý của các mạng truyền hình cáp mà Tổng Công ty đã mua để thực hiện các hợp đồng BCC. Trong các năm trước, VTVcab chưa đánh giá lại giá trị hợp lý của các mạng truyền hình cáp tại thời điểm mua và tạm thời ghi nhận các mạng truyền hình cáp này dựa vào giá trị sổ sách (bao gồm cả nguyên giá và khấu hao lũy kế) do các bên đối tác bán giao khi mua. Sau khi đánh giá lại giá trị hợp lý tại thời điểm mua, các mạng truyền hình cáp này được ghi nhận lại dựa trên giá trị hợp lý đã được đánh giá lại bởi các công ty thẩm định giá. Nguyên giá và khấu hao lũy kế của các mạng truyền hình cáp này đã được ghi nhận từ các năm trước được điều chỉnh lại trong báo cáo của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 theo giá trị đánh giá lại cho phù hợp.

(ii) Điều chỉnh này liên quan tới hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh số 299/2013/HĐNHTHKD/VTVcab-TC ký ngày 31/8/2013 giữa VTVcab và công ty TNHH Thương mại TC ("Công ty TC") (Thuyết minh 4). Trong năm 2013, VTVcab đã ghi nhận giá trị mạng truyền hình cáp này. Tuy nhiên, quyền sở hữu của các mạng truyền hình cáp này chưa được chuyển giao cho VTVcab và chưa là tài sản thuộc VTVcab nên trong năm 2014, VTVcab ghi giảm các mạng truyền hình cáp này và thỏa thuận với Công ty TC thuê lại các mạng truyền hình cáp này để khai thác dịch vụ.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

13	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (Tiếp theo)	Nhà cửa vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
(a)	Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)					
	Khấu hao lũy kế:					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 (đã kiểm toán)	3.902.823.301	404.535.092.764	11.113.696.492	2.636.255.750	422.187.868.307
	Điều chỉnh số dư đầu kỳ:					
	- Giảm do đánh giá lại tài sản hình thành từ hợp đồng BCC trước 2014 (i)	(794.952.219)	(48.092.377.552)	-	(44.736.055)	(48.932.065.826)
	- Tăng/(giảm) tài sản từ các hợp đồng BCC (ii)	-	(15.252.644.671)	(6.149.925.463)	-	(21.402.570.134)
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 (điều chỉnh lại)	3.107.871.082	341.190.070.541	4.963.771.029	2.591.519.695	351.853.232.347
	Khấu hao trong năm	948.296.508	207.352.370.661	1.364.159.954	4.876.670.238	214.541.497.361
	Thanh lý, nhượng bán	-	(1.133.525.257)	-	-	(1.133.525.257)
	Tăng tài sản chuyển về VTVcab quản lý theo hợp đồng BCC	-	10.818.943.863	-	-	10.818.943.863
	Tăng/(giảm) khác	(297.849.737)	2.655.230.656	107.760.552	(3.442.013.940)	(976.872.469)
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	3.758.317.853	560.883.090.464	6.435.691.535	4.026.175.993	575.103.275.845
	Giá trị còn lại:					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 (đã kiểm toán)	5.986.590.052	281.172.253.671	10.461.430.674	2.900.600.400	300.520.874.797
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 (điều chỉnh lại)	4.821.179.673	259.620.916.298	5.548.324.994	2.884.841.455	272.875.262.420
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	28.827.229.252	346.974.147.284	4.825.757.216	4.233.472.651	384.860.606.403

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 255.052.378.798 Đồng Việt Nam (2013: 117.692.240.656 Đồng Việt Nam).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (Tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá:</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 (đã kiểm toán)	3.731.530.500	13.109.615.598	16.841.146.098
Điều chỉnh số dư đầu kỳ:			
- Giảm do ghi nhận chưa chính xác tài sản từ hợp đồng BCC trước 2014	(3.731.530.500)	(168.387.500)	(3.899.918.000)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 (điều chỉnh lại)	-	12.941.228.098	12.941.228.098
Mua mới trong năm	3.252.780.000	6.055.733.197	9.308.513.197
Chuyển từ xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 13(c))	-	1.570.000.000	1.570.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(156.340.816)	(156.340.816)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>3.252.780.000</b>	<b>20.410.620.479</b>	<b>23.663.400.479</b>
<b>Khấu hao lũy kế:</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 (đã kiểm toán)	-	4.212.961.186	4.212.961.186
Điều chỉnh số dư đầu kỳ:			
- Giảm do ghi nhận chưa chính xác tài sản từ hợp đồng BCC trước 2014	-	(145.406.807)	(145.406.807)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 (điều chỉnh lại)	-	4.067.554.379	4.067.554.379
Khấu hao trong năm	-	4.565.725.447	4.565.725.447
Thanh lý, nhượng bán	-	(73.827.600)	(73.827.600)
Tăng khác	-	3.391.055	3.391.055
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>-</b>	<b>8.562.843.281</b>	<b>8.562.843.281</b>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 (đã kiểm toán)	3.731.530.500	8.896.654.412	12.628.184.912
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 (điều chỉnh lại)	-	8.873.673.719	8.873.673.719
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>3.252.780.000</b>	<b>11.847.777.198</b>	<b>15.100.557.198</b>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (Tiếp theo)

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Số dư đầu năm	102.290.775.639	18.564.749.767
Tăng trong năm	232.877.563.214	148.418.202.900
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 13(a))	(186.998.017.443)	(64.692.177.028)
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 13(b))	(1.570.000.000)	-
Số dư cuối năm	<u>146.600.321.410</u>	<u>102.290.775.639</u>

Số dư cuối năm của chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt các mạng truyền hình cáp mà VTVcab đang tiến hành xây dựng.

14 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Công ty CP Công nghệ Việt Thành (i)	144.683.588.788	142.766.000.000
Công ty CP Truyền hình tương tác Việt Nam (ii)	16.320.000.000	16.320.000.000
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam (iii)	-	173.146.194.591
	<u>161.003.588.788</u>	<u>332.232.194.591</u>

(i) Công ty CP Công nghệ Việt Thành:

Công ty CP Công nghệ Việt Thành được thành lập tại Việt Nam theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302807495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 13 ngày 17/3/2014. Vốn điều lệ của công ty là 42.000.000.000 Đồng Việt Nam trong đó Tổng Công ty sở hữu 51% vốn điều lệ tại ngày 31/12/2014. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty con là tiến hành các hoạt động viễn thông có dây, bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, cung cấp dịch vụ lắp đặt truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh.

(ii) Công ty CP Truyền hình tương tác Việt Nam (VTVlive):

VTVlive được thành lập tại Việt Nam theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105941484 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 11/7/2012 và thay đổi lần thứ 6 ngày 30/6/2014. Vốn điều lệ của VTVlive là 32.000.000.000 Đồng Việt Nam trong đó Tổng Công ty sở hữu 51% vốn điều lệ tại ngày 31/12/2014. VTVlive hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, chuyển giao công nghệ truyền thông, truyền hình; đầu tư phát triển các hạ tầng truyền thông đa phương tiện; phát triển công nghiệp nội dung số, cơ sở dữ liệu truyền thông đa phương tiện; cung cấp nội dung và phát triển mạng lưới.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM**

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014****14 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)****(iii) Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam (VSTV):**

VSTV được thành lập tại Việt Nam theo giấy Chứng nhận Đầu tư số 011022000222 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 25/5/2009. Vốn điều lệ của VSTV là 20.143.000 Đô La Mỹ. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của VSTV là mua bản quyền và phát sóng các kênh truyền hình trong nước và quốc tế; quản lý và cung cấp gói dịch vụ, chương trình, dịch vụ truyền hình trả tiền cho tất cả các thuê bao truyền hình. Tổng Công ty sở hữu 51% vốn điều lệ của VSTV. Tuy nhiên theo Quyết định số 1618/QĐ-THVN ngày 19/9/2014 của Đài truyền hình Việt Nam (VTV), Tổng Công ty đã chuyển toàn bộ phần vốn góp 173.146.194.591 Đồng Việt Nam trong VSTV về VTV và được cân trừ vào công nợ của VTVcab với VTV.

**15 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	<b>2014</b> <b>VND</b>	<b>2013</b> <b>VND</b>
Công ty CP VTVcab Nam Định - công ty liên kết	8.208.330.000	-

Công ty CP VTVcab Nam Định (VTVcab Nam Định) được thành lập tại Việt Nam theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600339309 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 25/6/2005, và giấy chứng nhận sửa đổi gần nhất (lần thứ 5) ngày 26 tháng 8 năm 2014. Vốn điều lệ của VTVcab Nam Định là 21.034.200.000 Đồng Việt Nam. Trong đó Tổng Công ty chiếm 39% vốn điều lệ. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của VTVcab Nam Định là kinh doanh dịch vụ truyền hình.

**16 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>2014</b> <b>VND</b>	<b>2013</b> <b>VND</b>
Lợi thế thương mại (i)	220.630.626.269	-
Đầu thu trang bị cho khách hàng (ii)	45.250.341.109	-
Công cụ dụng cụ	11.372.900.531	11.359.604.686
Bản quyền truyền hình	40.033.147.724	21.669.684.944
Tiền thuê văn phòng	764.016.029	937.093.206
Chi phí trả trước dài hạn khác	10.141.613.303	669.650.498
	<u>328.192.644.965</u>	<u>34.636.033.334</u>

- (i) Lợi thế thương mại: phát sinh từ việc VTVcab mua lại các mạng truyền hình cáp bao gồm các tài sản cố định và số thuê bao truyền hình cáp của các mạng truyền hình cáp đó. Trong năm, VTVcab có thuê các công ty thẩm định giá tại Việt Nam tiến hành đánh giá lại giá trị hợp lý của các mạng truyền hình cáp mà VTVcab đã mua (Thuyết minh 13(a)). Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa số tiền mà VTVcab đã bỏ ra mua và giá trị hợp lý của các tài sản được đánh giá lại. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm kể từ ngày được bàn giao các mạng truyền hình cáp.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

16 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (Tiếp theo)

Biến động của lợi thế thương mại trong năm như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Số dư đầu kỳ	-	-
Tăng trong kỳ	238.999.186.621	-
Phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Thuyết minh 33)	(18.368.560.352)	-
Số dư cuối kỳ	<u>220.630.626.269</u>	<u>-</u>

(ii) Đầu thu trang bị cho khách hàng: trong năm, VTVcab có thực hiện các chương trình trang bị đầu thu cho khách hàng có ký hợp đồng sử dụng dịch vụ truyền hình và trả trước tiền dịch vụ. Giá trị đầu thu trang bị cho khách hàng được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ trong vòng 2 năm theo thời hạn cam kết sử dụng dịch vụ của khách hàng có ghi trong hợp đồng.

17 THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số dư của thuế thu nhập hoãn lại tại thời điểm cuối năm như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	<u>3.665.843.158</u>	<u>2.367.570.349</u>

Biến động của thuế thu nhập hoãn lại trong năm như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Số dư đầu năm	2.367.570.349	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 35)	1.298.272.809	2.367.570.349
Số dư cuối năm	<u>3.665.843.158</u>	<u>2.367.570.349</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh chủ yếu từ các khoản dự phòng của Tổng Công ty: dự phòng trợ cấp thôi việc, dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

18 CÁC KHOẢN VAY

(a) Vay và nợ ngắn hạn

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	65.620.176.033	-
Vay ngắn hạn cá nhân	437.690.000	-
Cộng: Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18(b))	84.626.262.668	45.449.074.958
	<u>150.684.128.701</u>	<u>45.449.074.958</u>

(\*) Vay ngắn hạn ngân hàng là các khoản vay tại các ngân hàng tại Việt Nam có thời hạn vay dưới 12 tháng nhằm mục đích huy động nguồn vốn kinh doanh cho Tổng Công ty và được đảm bảo bởi tài sản hình thành từ vốn vay và doanh thu truyền hình cáp tại Hà Nội. Các khoản vay có mức lãi suất từ 5,6% đến 11% /mỗi năm.

(b) Vay và nợ dài hạn

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Vay dài hạn Ngân hàng (*)	213.075.711.137	140.341.454.548
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18(a))	(84.626.262.668)	(45.449.074.958)
	<u>128.449.448.469</u>	<u>94.892.379.590</u>

(\*) Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay tại các ngân hàng tại Việt Nam có thời hạn vay từ 12 đến 36 tháng phục vụ cho mục đích huy động nguồn vốn kinh doanh của Tổng Công ty và chủ yếu được đảm bảo bởi các tài sản hình thành từ vốn vay, doanh thu được từ tài sản hình thành từ vốn vay và cổ phần của Tổng Công ty tại công ty con. Các khoản vay có mức lãi suất/năm từ 8% đến 11% được tính và điều chỉnh dựa theo lãi suất huy động tiết kiệm (12 hoặc 24 tháng) cộng thêm 1,65% đến 3,5% tùy theo thỏa thuận của từng hợp đồng vay ký kết với ngân hàng.

Ngày 22 tháng 6 năm 2015, Tổng công ty đã ký Hợp đồng vay số 28.012.15.1568686.TD với một ngân hàng tại Việt Nam với thời hạn vay tối đa 3 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, không ân hạn. Số tiền vay theo Hợp đồng là 184.660.000.000 Đồng Việt Nam nhằm mục đích huy động nguồn vốn kinh doanh cho Tổng Công ty và được đảm bảo bởi doanh thu truyền hình cáp tại Hà Nội. Khoản vay có mức lãi suất thả nổi được quy định tại mỗi lần rút vốn.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

19 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:		
- Bên thứ ba	358.981.856.564	219.764.495.841
- Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	26.022.468.353	81.490.060.047
	<u>385.004.324.917</u>	<u>301.254.555.888</u>
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn:		
- Bên thứ ba	54.902.441.740	-
	<u>54.902.441.740</u>	<u>-</u>
	<u>439.906.766.657</u>	<u>301.254.555.888</u>

20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	11.401.077.245	3.581.507.437
Thuế giá trị gia tăng	1.479.617.891	1.520.914.772
Các loại thuế khác	-	1.033.223.140
	<u>12.880.695.136</u>	<u>6.135.645.349</u>

21 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Chi phí phải trả các bên liên quan (Thuyết minh 37(b)):		
- Chi phí bản quyền	26.990.809.343	6.847.306.249
- Chi phí sản xuất chương trình	-	32.577.292.816
- Chi phí khác	838.634.600	-
	<u>27.829.443.943</u>	<u>39.424.599.065</u>
Chi phí phải trả bên thứ ba:		
- Chi phí bản quyền	30.449.731.737	8.517.747.287
- Chi phí quảng cáo	13.865.835.665	6.916.163.637
- Chi phí sản xuất chương trình	2.367.121.212	5.719.999.999
- Chi phí phải trả khác	9.587.759.148	10.256.730.944
	<u>56.270.447.762</u>	<u>31.410.641.867</u>
	<u>84.099.891.705</u>	<u>70.835.240.932</u>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM**

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**22 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Doanh thu chưa thực hiện	188.361.980.590	169.112.167.787

Số dư của doanh thu chưa thực hiện chủ yếu phản ánh số tiền trả trước của các thuê bao truyền hình cáp và truyền hình kỹ thuật số. Số tiền trả trước của khách hàng sẽ được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện và phân bổ vào doanh thu trong năm dựa trên số kỳ đã cung cấp dịch vụ.

**23 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Phải trả khác cho các bên hợp tác kinh doanh (*)	33.040.482.271	42.370.761.595
Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	77.608.522.986	146.613.627.276
Phải trả, phải nộp khác	9.111.976.939	32.113.206.575
	<u>119.760.982.196</u>	<u>221.097.595.446</u>

(\*) Phải trả khác cho các bên hợp tác kinh doanh là khoản phải trả liên quan tới lợi nhuận chia cho các bên hợp tác kinh doanh theo các hợp đồng BCC giữa Tổng Công ty và các bên đối tác hợp tác kinh doanh trong việc xây dựng, vận hành và kinh doanh các mạng truyền hình cáp để cung cấp dịch vụ truyền hình cáp, truyền hình số và các dịch vụ, hàng hóa liên quan khác.

**24 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	54.500.297.970	39.376.703.566

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	39.376.703.566	16.356.313.150
Trích từ lợi nhuận sau thuế (Thuyết minh 27)	47.823.651.148	44.747.682.244
Sử dụng quỹ trong kỳ	(32.700.056.744)	(21.727.291.828)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>54.500.297.970</u>	<u>39.376.703.566</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

25 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác là các khoản góp vốn của các đối tác chuyển cho Tổng Công ty để thực hiện các hợp đồng BCC nhằm xây dựng, vận hành và kinh doanh các trạm truyền hình cáp mà trong đó các mạng truyền hình cáp được chuyển giao cho Tổng Công ty trong hợp đồng BCC để vận hành và khai thác (Thuyết minh 2.8(d)).

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
<b>Phải trả các đơn vị hợp tác kinh doanh:</b>		
• Công ty CP Sông Việt Thanh Hóa	4.655.000.000	4.900.000.000
• Công ty CP Phát triển công nghệ Sao Nam	1.200.000.000	1.200.000.000
• Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Phát triển Viễn thông Sao Đỏ (i)	3.320.327.199	-
• Công ty TNHH Điện tử Sao Đỏ (i)	2.214.003.399	-
• Công ty TNHH THC Phú Quốc (i)	1.786.985.282	-
• Công ty CP TM và DV kỹ thuật phát thanh truyền hình (i)	1.035.036.300	-
• Công ty TNHH Thương mại TC (ii)	-	30.044.498.370
• Công ty CP Điện tử tin học Viễn thông (EG) (iii)	-	59.180.262.013
	14.211.352.180	95.324.760.383

- (i) Các mạng truyền hình cáp thành lập thêm trong năm 2014 theo các thỏa thuận hợp tác kinh doanh của VTVcab với các đối tác hợp tác kinh doanh.
- (ii) Công ty TNHH Thương mại TC: số dư với Công ty TC năm 2013 liên quan tới hợp đồng BCC giữa VTVcab và Công ty TC (Thuyết minh 4(i)). Trong năm 2013, VTVcab đã ghi nhận giá trị mạng truyền hình cáp được chuyển giao cho VTVcab và khoản phải trả dài hạn khác tương ứng với phần vốn góp của Công ty TC. Tuy nhiên, quyền sở hữu của các mạng truyền hình cáp này chưa được chuyển giao cho VTVcab và chưa phải là tài sản thuộc VTVcab nên trong năm 2014, VTVcab ghi giảm giá trị của các mạng truyền hình cáp này và khoản phải trả dài hạn khác cho Công ty TC tương ứng (Thuyết minh 13(a)).
- (iii) Công ty CP Điện tử tin học Viễn thông (Eliteco): Theo Hợp đồng BCC số 181/HĐ-HTKD/VCTV-ELITECO ký ngày 17 tháng 9 năm 2012 giữa VTVcab và Eliteco, hai bên cùng nhau góp vốn để thành lập mạng truyền hình cáp tại các tỉnh: Lai Châu, Sa Pa, Lào Cai, Ninh Thuận, Bình Thuận, Hậu Giang, An Giang, Hưng Yên, Hà Giang, Cần Thơ, Tiền Giang và do Eliteco quản lý, vận hành. Tuy nhiên, trong năm 2014, Eliteco chuyển nhượng lại toàn bộ tài sản cho VTVcab.

26 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ		Vốn đã góp VNĐ
	VNĐ	%	
Đài truyền hình Việt Nam	440.000.000.000	100	440.000.000.000

Theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ngày 26 tháng 6 năm 2012 và các thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 440.000.000.000 Đồng Việt Nam và đã được góp đủ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

27 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013</b>	<b>440.000.000.000</b>	-	<b>4.526.928.826</b>	-	<b>444.526.928.826</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	55.006.074.754	55.006.074.754
Điều chuyển quỹ trong năm	-	4.526.928.826	(4.526.928.826)	-	-
Chia lợi nhuận cho đơn vị hợp tác kinh doanh	-	-	-	(5.946.074.916)	(5.946.074.916)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	4.312.317.594	-	(4.312.317.594)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(44.747.682.244)	(44.747.682.244)
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	<b>440.000.000.000</b>	<b>8.839.246.420</b>	-	-	<b>448.839.246.420</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	61.016.907.813	61.016.907.813
Chia lợi nhuận cho đơn vị hợp tác kinh doanh	-	-	-	(13.193.256.665)	(13.193.256.665)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	-	(47.823.651.148)	(47.823.651.148)
Điều chỉnh quỹ khác	-	75.550.000	-	-	75.550.000
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>440.000.000.000</b>	<b>8.914.796.420</b>	-	-	<b>448.914.796.420</b>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

28 DOANH THU

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng	197.698.484.639	120.943.426.618
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.409.357.277.344	887.824.622.877
Doanh thu được chia từ các hợp đồng BCC từ các đối tác hợp tác kinh doanh	148.925.339.832	156.539.960.340
	<u>1.755.981.101.815</u>	<u>1.165.308.009.835</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Chiết khấu thương mại	(15.626.867)	-
Giảm giá bán hàng	(3.315.678.943)	(1.167.997.937)
Hàng bán bị trả lại	(2.863.346.276)	(10.495.653.244)
	<u>(6.194.652.086)</u>	<u>(11.663.651.181)</u>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thuần	<u>1.749.786.449.729</u>	<u>1.153.644.358.654</u>

29 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Chi phí hàng hóa đã bán	65.179.056.068	58.693.545.742
Chi phí dịch vụ đã cung cấp	1.007.414.259.515	715.780.849.829
Chi phí chia từ các hợp đồng BCC từ các đối tác hợp tác kinh doanh	109.009.538.957	101.806.707.460
	<u>1.181.602.854.540</u>	<u>876.281.103.031</u>

Giá vốn hàng bán theo yếu tố được trình bày như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Chi phí phân chia theo các hợp đồng BCC	109.009.538.957	101.806.707.460
Chi phí bản quyền	404.096.552.122	297.052.939.312
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	136.558.952.979	92.698.864.786
Chi phí nhân công	147.058.917.531	120.520.316.792
Chi phí khấu hao TSCĐ	191.206.824.724	124.953.218.072
Chi phí tiền thuê	140.971.516.896	87.273.054.212
Dịch vụ tiện ích	34.476.125.767	30.753.309.136
Các chi phí khác	18.224.425.564	21.222.693.261
	<u>1.181.602.854.540</u>	<u>876.281.103.031</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

30 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Cổ tức nhận được từ công ty con (Thuyết minh 37(a))	7.005.732.235	-
Lợi nhuận thuần được chia từ hợp đồng BCC	1.482.206.991	3.460.052.469
Lãi tiền gửi	1.475.881.168	1.342.742.242
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.035.822	8.756.152
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	12.597.515	991.539
	<u>10.004.453.731</u>	<u>4.812.542.402</u>

31 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Chi phí lãi vay	22.351.927.634	3.525.033.436
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.071.897.770	120.693.521
Chi phí tài chính khác	-	32.925.135
	<u>23.423.825.404</u>	<u>3.678.652.092</u>

32 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Chi phí quảng cáo và khuyến mại (*)	229.783.787.709	83.908.165.748
Chi phí nhân viên	27.358.908.357	20.797.853.358
Chi phí khác	7.549.760.427	826.713.979
	<u>264.692.456.493</u>	<u>105.532.733.085</u>

(\*) Chi phí quảng cáo và khuyến mại chủ yếu bao gồm các chi phí phát sinh trong năm liên quan tới các chương trình khuyến mại dành cho khách hàng và phát triển thuê bao như tặng/trang bị đầu thu kỹ thuật số cho khách hàng, tặng quà cho các thuê bao trả tiền trước, các chi phí quảng cáo trên truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

33 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Chi phí khấu hao TSCĐ	27.900.398.084	13.827.560.592
Chi phí lương	73.918.220.452	56.515.005.120
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 5)	14.517.854.728	3.501.708.697
Lợi thế thương mại phát sinh từ các hợp đồng BCC (Thuyết minh 16(i))	18.368.560.352	-
Đồ dùng trang thiết bị văn phòng	21.481.516.509	7.994.375.131
Chi phí công tác phí	10.264.385.773	3.655.591.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.649.260.885	9.324.801.182
Chi phí khác	21.736.553.522	14.329.491.968
	<u>214.836.750.305</u>	<u>109.148.533.931</u>

34 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ thanh lý tài sản	2.649.872.564	-
Hàng biếu tặng, khuyến mại nhận được	5.687.659.544	3.782.544.497
Thu nhập khác	5.608.656.209	2.139.838.970
	<u>13.946.188.317</u>	<u>5.922.383.467</u>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	1.351.106.822	-
Chi phí khác	3.163.294.185	184.623.341
	<u>4.514.401.007</u>	<u>184.623.341</u>
<b>Lợi nhuận khác – số thuần</b>	<u>9.431.787.310</u>	<u>5.737.760.126</u>

35 THUẾ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty trong năm được trình bày như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	84.666.804.028	69.553.639.043
Thuế tính ở thuế suất 22% (2013: 25%)	18.626.696.886	17.388.409.761
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(4.410.060.397)	(2.865.649.791)
Chi phí không được khấu trừ	9.433.259.726	24.804.319
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>23.649.896.215</u>	<u>14.547.564.289</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**35 THUẾ (Tiếp theo)**

Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	24.948.169.024	16.915.134.638
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại (Thuyết minh 17)	(1.298.272.809)	(2.367.570.349)
	<u>23.649.896.215</u>	<u>14.547.564.289</u>

Theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ban hành bởi Chính phủ ngày 26 tháng 12 năm 2013, từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, thuế suất thuế TNDN thông thường giảm từ 25% xuống 22%.

Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**36 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Các hoạt động của Tổng Công ty có thể chịu một số rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

**(a) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

*(i) Rủi ro tiền tệ*

Việc kinh doanh của Tổng Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, trong đó chủ yếu là từ đồng Đô la Mỹ ("USD"). Rủi ro tỷ giá USD của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	Ngoại tệ gốc USD		Quy đổi sang VNĐ	
	2014	2013	2014	2013
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	7.693	4.595	167.069.196	99.922.624
<b>Nợ tài chính</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	3.503.270	3.297.419	74.075.608.105	68.754.403.371
<b>Nợ tài chính thuần</b>	<u>(3.495.577)</u>	<u>(3.292.824)</u>	<u>(73.908.538.909)</u>	<u>(68.654.480.747)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

36 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(a) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(i) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nếu Đồng Việt Nam mạnh lên/yếu đi 3% so với Đô la Mỹ trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty trong năm tài chính sẽ tăng lên/giảm đi 2.217.256.167 Đồng Việt Nam chủ yếu là do lãi/lỗ quy đổi tỷ giá của nợ tài chính thuần bằng Đô La Mỹ.

(ii) Rủi ro giá

Trong năm, Tổng Công ty không chịu rủi ro về giá do Tổng Công ty không có giao dịch chứng khoán nào. Tổng Công ty cũng không chịu rủi ro về giá của hàng hóa.

(iii) Rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 18). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nếu lãi suất tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế trong năm sẽ giảm đi/tăng thêm 1.684.654.526 Đồng Việt Nam do chi phí lãi vay tăng thêm/giảm đi.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Chính sách của Tổng Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 2 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	636.307.070.559	-	68.763.793.920
Các khoản vay	150.684.128.701	128.449.448.469	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>			
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	646.742.534.243	-	95.324.760.383
Các khoản vay	45.449.074.958	94.892.379.590	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

37 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tổng Công ty được kiểm soát bởi Đài truyền hình Việt Nam ("VTV"), đơn vị sở hữu 100% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
<b>i) Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty CP Công nghệ Việt Thành, công ty con	3.306.432.931	-
Công ty CP Truyền hình tương tác Việt Nam (VTVlive), công ty con	1.441.437.782	-
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam (VSTV), công ty con thuộc VTV	5.536.592.727	3.108.218.181
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV), công ty liên doanh của VTV	32.934.370.487	33.868.188.046
	<u>43.218.833.927</u>	<u>36.976.406.227</u>
<b>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Đài truyền hình Việt Nam, công ty mẹ	1.000.000.000	1.000.000.000
Ban biên tập truyền hình cáp - thành viên VTV	72.902.462.890	66.304.012.816
Công ty CP Truyền hình tương tác Việt Nam (VTVlive), công ty con	2.394.488.300	-
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam (VSTV), công ty con thuộc VTV	22.352.427.287	9.199.655.318
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV), công ty liên doanh của VTV	67.393.735.378	92.481.492.875
	<u>166.043.113.855</u>	<u>168.985.161.009</u>
<b>iii) Chuyển phần vốn góp ở công ty con</b>		
Chuyển toàn bộ phần vốn góp ở công ty TNHH Truyền hình số Việt Nam (VSTV) cho VTV (Thuyết minh 14)	173.146.194.591	-
<b>iv) Cổ tức được chia từ công ty con</b>		
Công ty CP Công nghệ Việt Thành (Thuyết minh 30)	7.005.732.235	-
<b>v) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	2.988.000.000	3.225.000.000



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

37 CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
<b>Phải thu khách hàng (Thuyết minh 5)</b>		
Công ty CP Công Nghệ Việt Thành, công ty con Công ty CP Truyền hình tương tác Việt Nam (VTVlive), công ty con	1.341.076.224	50.481.200
Công ty TNHH truyền hình số vệ tinh Việt Nam (VSTV), công ty con thuộc VTV	200.000.000	-
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV), công ty liên doanh của VTV	22.453.612.227	20.790.872.727
	3.846.150.000	1.426.250.000
	<u>27.840.838.451</u>	<u>22.267.603.927</u>
<b>Phải trả người bán (Thuyết minh 19)</b>		
Ban biên tập truyền hình cáp – thành viên VTV Công ty CP truyền hình tương tác Việt Nam (VTVlive), công ty con	25.114.719.153	77.643.500.000
Công ty TNHH truyền hình số vệ tinh Việt Nam (VSTV), công ty con thuộc VTV	188.109.200	-
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV), công ty liên doanh của VTV	719.640.000	3.296.560.047
	-	550.000.000
	<u>26.022.468.353</u>	<u>81.490.060.047</u>
<b>Các khoản phải trả khác (Thuyết minh 23)</b>		
Đài truyền hình Việt Nam, công ty mẹ	77.608.522.986	146.613.627.276
<b>Chi phí phải trả (Thuyết minh 21)</b>		
Ban biên tập Truyền Hình Cáp – thành viên VTV Công ty CP truyền hình tương tác Việt Nam (VTVlive), công ty con	-	32.577.292.816
Công ty TNHH truyền hình số vệ tinh Việt Nam (VSTV), công ty con thuộc VTV	838.634.600	-
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV), công ty liên doanh của VTV	9.537.245.455	2.198.454.546
	17.453.563.888	4.648.851.703
	<u>27.829.443.943</u>	<u>39.424.599.065</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**38 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tổng Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai cho khoản thuê hoạt động như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Thuê văn phòng làm việc:		
Trong vòng 1 năm	2.859.297.408	-
Từ 1 đến 5 năm	5.706.876.384	-
	8.566.173.792	-

**39 CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ngày 16/6/2015, căn cứ Công văn 4155/VPCP-ĐMDN ngày 5/6/2015 của Văn phòng Chính phủ, Ban Lãnh đạo Tổng Công ty đã có Báo cáo số 665/BC-VTVcab trình Đài truyền hình Việt Nam về tình hình kế hoạch cổ phần hóa tại Tổng Công ty để Đài truyền hình Việt Nam xem xét, phê duyệt và trình các cấp thẩm quyền phê duyệt.

**40 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của năm nay.

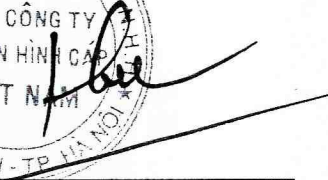
Báo cáo tài chính đã được Ban Lãnh đạo duyệt ngày 20 tháng 7 năm 2015.



Nguyễn Hoàng Giang  
Người lập



Trần Ngọc Huyền  
Kế toán trưởng

Hoàng Ngọc Huân  
Tổng Giám đốc